

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 13 - 01 - 2023

V/v “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/12/2022 và ngày 13/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”.

Do bản hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 208/2022/HNGĐ-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2022/QĐXX-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt);

- Bị đơn: Ông Hồ Văn M, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Ông Hồ Văn M, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Kim T trình bày:

Tại bản án số 89/2018/HNGĐ-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C tuyên xử không công nhận bà Trần Kim T và ông Hồ Văn M là vợ

chồng. Về tài sản bà T và ông M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn bà T và ông M không tự thỏa thuận được với nhau về phần tài sản. Nguồn gốc tài sản theo bà T xác định bà và ông M chung sống với nhau từ năm 2000, đến năm 2009 có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Quốc Vũ phần đất có diện tích 4.963 m² (Trong đó, 2.838 m² đất trồng lúa và 2.125 m² đất vườn) tọa lạc tại Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông M đứng tên, GCNQSDDD cấp ngày 13/01/2009. Phần đất có giá trị là 318.952.000 đồng theo kết quả thẩm định giá nhà và đất (trong đó quyền sử dụng đất có giá trị là 289.252.000 đồng, nhà có giá trị 29.700.000 đồng). Bà T thừa nhận giữa bà với ông M có làm văn bản thỏa thuận sau khi ly hôn ông M tiếp tục sử dụng căn nhà, bà được nhận số tiền 20.000.000 đồng nhưng ông M không có đưa tiền cho bà. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi nhà và đất, bà T nhận giá trị, giao nhà và đất cho ông M quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà Trần Kim T xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà và giá trị căn nhà với ông Hồ Văn M.

Bị đơn ông Hồ Văn M trình bày:

Ông M thống nhất vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2000, sau đó ngày 10/5/2018 Tòa án nhân dân huyện C không công nhận ông M và bà T là vợ chồng theo bản án số 89/2018/HNGĐ-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Bà T yêu cầu chia đôi nhà và đất, bà T nhận giá trị, giao nhà và đất cho ông M thì ông M không đồng ý. Lý do, phần đất có diện tích 4.963 m² do ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Quốc Vũ trước khi kết hôn với bà T. Phần căn nhà thì giữa ông với bà T có làm văn bản thỏa thuận sau khi ly hôn ông tiếp tục sử dụng căn nhà, bà T nhận số tiền 20.000.000 đồng, ông đã đưa tiền đủ cho bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông không đồng ý cho đo đạc và cũng không đồng ý với kết quả định giá vì phần đất này của ông, ông M không đồng ý chia đôi theo yêu cầu của bà T.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 208/2022/HNGĐ-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T.

Bà Trần Kim T được nhận 50% giá trị phần đất có diện tích 4.963 m², theo kết quả thẩm định giá là 289.252.000 đồng bằng số tiền 144.626.000 đồng. Ông Hồ Văn M có trách nhiệm trả cho bà Trần Kim T số tiền 144.626.000 đồng.

Giữ nguyên hiện trạng cho ông Hồ Văn M tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 4.963 m² (Trong đó, 2.838 m² đất trồng lúa và 2.125 m² đất vườn) tọa lạc tại Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông M đứng tên, cấp ngày 13/01/2009.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Trần Kim T đối với căn nhà trị giá 29.700.000 đồng.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 26/9/2022 bị đơn ông Hồ Văn M kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Ông M trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ khởi kiện của bà T. Bà T là vợ thứ hai, năm 2000 ông bà quen biết và yêu thương, nhưng thực tế sống chung với nhau từ năm 2008, phần đất ông M đứng tên do ông mua trước khi chung sống nhưng đến năm 2009 mới được cấp QSD đất, đây là tài sản riêng của ông. Năm 2018, vợ chồng ly hôn và đã tự phân chia tài sản, QSD đất đứng tên ông M thuộc về ông, đối với phần đất bà T hiện đứng tên ông M được nhận đất và ông đã giao cho bà ½ giá trị là 110 triệu đồng, việc bà T đứng tên QSD đất ông M không hay biết.

Đại diện hợp pháp của bà T trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của ông M, lời trình bày của ông M tại tòa mâu thuẫn với lời khai trong hồ sơ vì tại biên bản hòa giải vào tháng 7/2018 và bản án sơ thẩm năm 2018 xác nhận hai đương sự sống chung từ năm 2000; phần đất tranh chấp đứng tên ông M phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung, ông M khai xuất ra 05 lượng vàng 24k mua đất nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông M, sửa một phần bản án sơ thẩm, chia cho bà T được hưởng công sức đóng góp bằng 20% giá trị quyền sử dụng đất là 57.850.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông M thực hiện trong thời hạn luật định; Bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, chia cho bà T ½ giá trị quyền sử dụng đất, ông M kháng cáo.

[2] Xem xét nội dung kháng cáo, ông M yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện về chia tài sản chung sau khi ly hôn

Qua xem xét toàn diện chứng cứ, thể hiện: Bà T, ông M chung sống với nhau từ năm 2000, không đăng ký kết hôn và tại bản án số: 89/2018/HNGĐ-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C không công nhận bà T, ông M là vợ chồng.

Đối với phần đất tranh chấp diện tích 4.963m^2 (thửa số 335 diện tích 2.838m^2 đất trồng lúa, thửa số 366 diện tích 2.125m^2 trồng cây lâu năm) tọa lạc tại Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau, được cấp ngày 20/01/2009 do ông M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt QSD) đất, bà T xác nhận là tài sản chung, ông M cho rằng tài sản riêng của ông. Qua lời trình bày của hai đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy trong thời kỳ hôn nhân hai đương sự nhận chuyển nhượng QSD đất từ vợ chồng ông Nguyễn Quốc Vũ, cụ thể năm 2016 nhận chuyển nhượng $1104,6\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm và ngày 02/11/2018 được cấp giấy chứng nhận QSD đất do bà T đứng tên; năm 2008 nhận chuyển nhượng 4.963m^2 đất trồng lúa và trồng cây lâu năm, ngày 20/01/2009 được cấp giấy chứng nhận QSD đất do ông M đứng tên, hồ sơ cấp QSD đất có hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa bên bán và bên mua, theo đó bên mua chỉ đứng tên ông Hồ Văn M và giấy chứng nhận cấp cho ông M, tại thời điểm năm 2008 bà T ông M đã sống chung, nếu QSD đất vợ chồng nhận chuyển nhượng thì tại sao bà T không cùng đứng tên trong hợp đồng sang bán; ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân có mua từ ông Vũ một phần đất và bà T đứng tên quyền sử dụng đất, bà T xác định đây là tài sản riêng của bà. Như vậy, trong thời kỳ hôn nhân hai đương sự có nhận chuyển nhượng hai phần đất từ ông Vũ và mỗi người đứng tên một phần đất, QSD đất bà T đứng tên thì bà xác nhận là tài sản riêng, còn QSD đất đứng tên ông M bà cho là tài sản chung thì không có cơ sở chấp nhận. Lời trình bày của ông M là có căn cứ.

Mặt khác, bút lục 103 “Tờ thỏa thuận tài sản” do chính bà T viết: *khi ly hôn 1 căn nhà và vật dụng trong nhà giao hết cho anh Miền. Anh Miền đồng ý chia cho vợ 01 chung hụi sống...và số nợ tiền tô...*; nếu như QSD đất là tài sản chung hoặc là hai người chưa phân chia thì tại sao bà T không ghi nhận phần đất ông M đứng tên vào biên bản này, mà biên bản chia tài sản bà T chỉ xác nhận căn nhà trên đất giao cho ông M, còn bà nhận tiền hụi, tiền tô.

Tuy nhiên, trên thực tế hai phần đất hiện ông M, bà T đứng tên nằm cùng một tờ bản đồ, vị trí gần nhau, nhưng diện tích đất ông M đứng tên nhiều hơn diện tích đất bà T đứng tên và phần đất ông M đứng tên thì hai đương sự quản lý, sử dụng thời gian dài mới ly hôn, do đó bà T cũng có công sức đóng góp, cải tạo, giữ gìn để làm tăng giá trị đất, cho nên chia cho bà T hưởng một phần giá trị bằng 20% ($289.252.000\text{đ} \times 20\% = 57.850.000\text{đ}$ làm tròn số) là phù hợp với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông M, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng QSD đất đứng tên ông M là tài sản riêng của ông M, bà T được nhận một phần giá trị bằng 57.850.000 đồng. Ông M có trách nhiệm giao cho bà T số tiền này, nếu chậm thanh toán phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật.

[4] Do sửa án sơ thẩm, nên sửa về án phí có giá ngạch mỗi đương sự phải nộp. Bà T phải chịu án phí $57.850.000đ \times 5\% = 2.892.500đ$, khấu trừ phần đã nộp tạm ứng án phí 5.000.000đ, còn thừa bà T được nhận lại; ông M phải chịu án phí $231.402.000đ \times 5\% = 11.570.000đ$ (làm tròn số).

[5] Tại cấp phúc thẩm phát sinh chứng cứ mới đó là ông M trình bày bà T có đứng tên QSD đất, thời gian tạm ngừng phiên tòa thì đại diện hợp pháp của bà T cung cấp giấy chứng nhận QSD đất do bà T đứng tên. Do đó, sửa án cấp sơ thẩm là do phát sinh chứng cứ mới.

[6] Án phí phúc thẩm ông M không phải chịu.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của Hồ Văn M, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 208/2022/HNGĐ-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 228; khoản 2 Điều 244; 266, 271 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 59 và Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T.

Bà Trần Kim T được nhận một phần giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 57.850.000 đồng. Ông Hồ Văn M có trách nhiệm giao trả cho bà Trần Kim T số tiền 57.850.000 đồng.

2. Quyền sử dụng đất có diện tích $4.963m^2$ (trong đó thừa số 335 diện tích $2.838m^2$ đất trồng lúa, thừa số 366 diện tích $2.125m^2$ đất trồng cây lâu năm), tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau, cấp ngày 20/01/2009 do ông Hồ Văn M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng là tài sản riêng của ông M.

3. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Trần Kim T đối với căn nhà trị giá 29.700.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hồ Văn M trả lại cho bà Trần Kim T số tiền là 3.500.000 đồng.

Trường hợp ông M chậm thanh toán các khoản tiền cho bà T thì phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

Bà Trần Kim T phải chịu 2.892.500 đồng; ngày 03/5/2019 bà T dự nộp 5.000.000 tại biên lai số 0004345 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu, bà T được nhận lại 2.107.500 đồng.

Ông Hồ Văn M phải chịu 11.570.000 đồng (chưa nộp).

6. Án phí phúc thẩm ông M không phải chịu, ông M đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0008349 ngày 26/9/2022 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được nhận lại toàn bộ.

7. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

